TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2025
V/v Tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Sâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Trung Thành**.

- Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Cẩm**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 665/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: Chị **Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T.

*** <u>Bị đơn</u>**: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày**:

Do quen biết nên chị và anh H tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 10/8/2020.

Sau khi kết hôn thì sống bên gia đình chồng, đến năm 2021 thì vợ chồng chị về bên gia đình chị sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống với

nhau thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng từ tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thường hay cãi nhau, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, đe dọa và đánh chị. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H, mặc dù còn sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau từ tháng 02/2024 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Văn S, sinh ngày 01/12/2018 và Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023, hiện nay 02 con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Theo tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn H trình bày**:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và thời gian xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là không đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do sự tác động của mẹ vợ muốn chị T ly hôn với anh, giữa hai vợ chồng cũng có cự cãi qua lại nhưng đó cũng chỉ là tranh chấp bình thường trong cuộc sống vợ chồng, trong lúc cự cãi khi nóng giận anh cũng có đánh vợ bằng bạc tay. Bản thân anh sống bên gia đình vợ, hàng ngày đi làm khi được lãnh lương anh đều đưa tiền cho vợ. Anh đã ra thuê nhà trọ sinh sống một mình khoảng 01 tháng nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Văn S, sinh ngày 01/12/2018 và Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023, hiện nay 02 con đang sống với chị T bên nhà ngoại. Trường hợp Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu S, anh đồng ý giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T xác định ngoài những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà chị đã trình bày trong đơn kiện thì anh H còn thường xuyên đi chơi không lo phát triển kinh tế gia đình, hay ghen tuông vô cớ không cho chị đi làm, hiện nay anh H đã ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống khoảng hơn một tháng nay, nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có.

- Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và tại phiên tòa thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Riêng bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị Huyền T được ly hôn với anh Lê Văn H, giao 02 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 01/12/2018 và Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ: Xét thấy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh H có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của vợ chồng nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung*" theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Lê Văn H là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh H kết hôn trên cơ sở quen biết tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 55, ngày 10/8/2020 nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của các bên và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy trong đời sống hôn nhân giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù, chị T và anh H trình bày không thống nhất với nhau về việc xảy ra mâu thuẫn và thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại chị T và anh H không còn sống chung, tại tờ tự khai anh H cũng trình bày giữa hai vợ chồng cũng có cự cãi qua lại, trong lúc cự cãi khi nóng giận anh cũng có đánh chị T bằng bạc tay, anh đã ra thuê nhà trọ sinh sống một mình khoảng 01 tháng nay. Từ đó, cho thấy giữa chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng anh chị đã sống ly thân, tuy thời gian chị T và anh H sống ly thân cho đến nay không dài nhưng giữa chị T và anh H vẫn không khắc phục được những mâu thuẫn của tình trạng hôn nhân. Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho các bên dàn xếp mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa và kiên quyết xin ly hôn. Còn anh H tại tờ tự khai và tại buổi hòa giải anh cho rằng còn thương vợ con, có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng anh lại vắng mặt không đến tham dự phiên tòa để đưa ra phương hướng, giải pháp để hai anh chị có thể hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ anh H cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T và xem như anh đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lê Văn S, sinh ngày 01/12/2018 và Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023, hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sang và cháu Giàu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại tờ tự khai anh H cũng có ý kiến trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Sang, anh đồng ý giao cháu Giàu cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh H ly thân cho đến nay các con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay đã ổn định. Theo biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2024 thì cháu Sang có ý kiến nếu mẹ và cha ly hôn thì cháu muốn được sống với mẹ. Đối với cháu Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023 hiện nay chưa tròn 36 tháng tuổi cần được mẹ quan tâm chăm sóc, để tránh việc làm xáo trộn tình cảm của các con nên việc giao cháu S và cháu G cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh H xác định là không có.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Huyền T được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lê Văn S, sinh ngày 01/12/2018 và Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/5/2023 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T, anh H xác định là không có.

Về nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016178 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên được cấn trừ xem như chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Sâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Sâm